## SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI

***LỚP KHTN***

## BÀI THỰC HÀNH NHÓM 8: MANG YANG – PHÚ THIỆN

THÀNH VIÊN:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN GIÁO VIÊN** | **PHÒNG GD** | **MÔN ĐÀO TẠO** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Dương Quỳnh Chi | PHÚ THIỆN | KHTN | Báo cáo nhóm 8 |
| 2 | Dương Thị Thanh Dung | PHÚ THIỆN | KHTN |  |
| 3 | Trần Thị Trang | PHÚ THIỆN | KHTN |  |
| 4 | Phan Thị Thùy Linh | PHÚ THIỆN | KHTN |  |
| 5 | Nguyễn Huy Hoàng | PHÚ THIỆN | KHTN |  |
| 6 | Kpă Simon | PHÚ THIỆN | KHTN |  |
| 7 | Bùi Thị Uyên | MANG YANG | KHTN |  |
| 8 | Nguyễn Ngọc Vân | MANG YANG | KHTN |  |
| 9 | Nguyễn Thị Minh Châu | MANG YANG | KHTN | Báo cáo nhóm 8 |
| 10 | Mai Sĩ Tân | MANG YANG | KHTN |  |
| 11 | Nguyễn Văn Lộc | MANG YANG | KHTN |  |
| 12 | Nguyễn Thị Thu Phương | MANG YANG | KHTN |  |

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

## MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7

## 1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II môn KHTN 7:

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì II (7 tuần đầu của HKII)*

*Nội dung:* ***Tính chất từ của chất*** *(7 tiết);* ***Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật*** *(21 tiết);*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung: 7 tuần đầu của HKII: *100% (10.0 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/số ý** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1.* ***Tính chất từ của chất***  *(7 tiết)* |  | **2** |  | **2** | 1 |  |  |  | 1 | 4 | 2,5 |
| *2.* ***Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật*** *(21 tiết)* | 1 | **10** | 0,75 | **2** | 0,25 |  | 1 |  | 3 | 12 | 7,5 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | 1 | **12** | 0,75 | **4** | 1,25 |  | 1 |  | **4** | **16** |  |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1.0** | **2.0** |  | **1.0** |  | **6.0** | **4.0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | |  | | **10,0 điểm** |

**2. BẢN ĐẶC TẢ:**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| *1.* ***Tính chất từ của chất*** *(7 tiết)* | | | **1** | **4** |  |  |
| - Nam châm  - Từ trường  - Từ trường Trái Đất | **Nhận biết** | - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.  - Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm.  - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.  - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.  - Nêu được khái niệm đường sức từ.  - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.  - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  | 1  1 |  | C1  C2 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính.  - Mô tả đư­ợc cấu tạo và hoạt động của la bàn. |  | 1  1 |  | C3  C4 |
| **Vận dụng** | Nêu một số ứng dụng của nam châm trong các thiết bị, dụng cụ thường gặp trong cuộc sống. | **1** |  | C17 |  |
| *2.* ***Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật*** *(21 tiết)* | | | **3** | **12** |  |  |
| - Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Quang hợp ở thực vật.  - Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.  - Hô hấp tế bào.  - Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.  - Trao đổi khí ở sinh vật.  - Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  - Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.  - Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật. | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.  - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào.  - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; | 1 | 2  2  2  2  2 | C18 | C5,6  C13,14  C7,8  C9,10  C11,12 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải.  - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người)  - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.  - Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. | 0,75  0,25 | 2 | C19(a,b)  C19(c) | C15,16 |
| **Vận dụng** | Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.  - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).  - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá  - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng cao** | - Thiết kế được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.  - Thiết kế được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.  - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). | **1** |  | C20 |  |